

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS-PT

Ngày: 29 – 8 - 2022

V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
trả tiền

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Quảng

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung
Bà Trần Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2022/TLPT- DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 98/2022/QĐ- PT ngày 16/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn A, sinh năm 1988; bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1990; Cùng địa chỉ: Đường H, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ liên lạc: Đường D, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ông Võ Văn A ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971, địa chỉ: đường D, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền lập ngày 22/8/2022. Có mặt.

Ông Võ Văn A tham gia tố tụng theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M (vợ ông A, Giấy ủy quyền lập ngày 30/11/2021). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn P; Địa chỉ: đường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trương Sỹ B** - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Văn Thị Thu H, chuyên viên pháp chế; địa chỉ: Đường L, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số 02/GUQ-ATX ngày 12/8/2022 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn P). Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần Tập đoàn P, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, ông Võ Văn A có ký 05 hợp đồng thỏa thuận góp vốn đầu tư đất nền với Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng P, nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn P (viết tắt là Công ty P) để nhận chuyển nhượng 05 lô đất: Lô 22, 23, 24, 25 và 26, khu K, thuộc Dự án X, xã NB, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi do Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng P làm chủ đầu tư. Các hợp đồng do ông A ký đứng tên, tiền thực hiện hợp đồng là của vợ chồng ông Võ Văn A, bà Nguyễn Thị M. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông A bà M đã thanh toán tiền đúng tiến độ, tuy nhiên Công ty P đã vi phạm cam kết về việc chuyển giao quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông A và bà M đề nghị chấm dứt hợp đồng đối với lô đất số 22 và số 24 – khu K của dự án.

Ngày 17/9/2020, ông Võ Văn A và Công ty P lập Biên bản thanh lý hợp đồng số 179/BB/2020/ATX về việc chấm dứt hợp đồng đối với lô đất 24 – khu K, trong đó có nội dung: *“Số tiền còn lại: 262.200.000 VNĐ, bên A sẽ hoàn trả cho bên B dự kiến vào Quý IV năm 2020”*. Đến ngày 24/12/2020, Công ty P có Công văn số 912/CV/2020/ATX với nội dung: *“CTCP – Tập đoàn P xác nhận và thông báo thời gian hoàn trả số tiền 262.200.000 VNĐ theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 179/BB/2020/ATX ngày 17/9/2020 chậm nhất vào ngày 30/5/2021”*.

Ngày 22/01/2021, ông Võ Văn A và Công ty P lập Biên bản thanh lý hợp đồng về việc chấm dứt Hợp đồng thỏa thuận góp vốn đầu tư đất nền số 61/2019/ĐB/ATX/HĐ-GV ngày 17/6/2019 đối với lô đất 22 – khu K, trong đó có nội dung:

- *Tính đến ngày biên bản thanh lý được lập, Bên B đã thanh toán cho Bên A là 95% giá trị Hợp đồng góp vốn số 61/2019/ĐB/ATX/HĐ-GV tương ứng với số tiền: 1.311.000.000 VNĐ. Bên B không tiếp tục thực hiện góp vốn và có yêu cầu được thanh lý Hợp đồng này.*

- *Bên A chấp nhận yêu cầu được thanh lý Hợp đồng của Bên B. Bên B có nghĩa vụ giao lại bản gốc các hồ sơ, chứng từ có liên quan đến Hợp đồng cho Bên A bao gồm Hợp đồng góp vốn số 61/2019/ĐB/ATX/HĐ-GV; các phiếu thu, hóa đơn, các chứng từ kế toán khác ngay khi Biên bản thanh lý hợp đồng được lập.*

- *Số tiền còn lại sau khi trừ đi hết khoản phí bên A sẽ hoàn trả cho bên B vào 31/7/2021.*

Tuy nhiên, Công ty P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết, do đó ông A và bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn P phải thanh toán số tiền theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 179/BB/2020/ATX ngày 17/9/2020 là 262.200.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 31/5/2021 đến 27/4/2022 với lãi suất 10%/năm là 23.777.589 đồng. Tổng cộng 285.977.589 đồng; thanh toán theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 10/BB/2020/ATX ngày 22/01/2021 là 1.311.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/8/2021 đến 27/4/2022 là 96.618.904 đồng. Tổng cộng: 1.407.618.904 đồng.

Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền theo 2 Biên bản thanh lý hợp đồng là 1.693.596.493 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Công ty P không tham gia tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

Với nội dung vụ án như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định:

Áp dụng các điều 117, 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn P phải trả cho ông Võ Văn A và bà Nguyễn Thị M số tiền là 1.693.596.493 đồng.

Bản án còn tuyên về tiền lãi chậm thi hành án, án phí sơ thẩm; quyền kháng cáo của các đương sự, quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 17/5/2022, bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn P có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Bản án sơ thẩm không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty P đề nghị trừ số tiền phí 1% theo thỏa thuận trong Biên bản thanh lý hợp đồng Hợp đồng thỏa thuận góp vốn đầu tư đất nền số 61/2019/ĐB/ATX/HĐ-GV ngày 17/6/2019 với số tiền là 13.800.000 đồng, số tiền còn lại tính lãi với mức lãi suất 10%/năm và thời gian tính lãi như án sơ thẩm đã tuyên. Bà Nguyễn Thị H, ông Võ Văn A thống nhất với đề nghị của đại diện bị đơn. Theo đó, số tiền gốc bị đơn thanh toán theo Biên bản thanh lý hợp đồng lập ngày 22/01/2021 là 1.297.200.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày 27/4/2022 là 95.600.000 đồng. Số tiền gốc và lãi theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17/9/2020 thực hiện như án sơ thẩm.

Tổng cộng Công ty P thanh toán cho ông Võ Văn A, bà Nguyễn Thị M số tiền gốc và lãi theo 02 Biên bản thanh lý hợp đồng là 1.678.777.589 đồng, trong đó tiền gốc là 1.559.400.000 đồng; tiền lãi là 119.377.589 đồng.

[2] Phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

[3] Xét thấy: Các bên đương sự đã thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm 62.363.327 đồng và án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng Công ty P phải chịu.

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự,

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Công ty Cổ phần Tập đoàn P thanh toán cho ông Võ Văn A, bà Nguyễn Thị M số tiền tổng cộng: 1.678.777.589đ (*một tỷ sáu trăm bảy mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn, năm trăm tám mươi chín đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần Tập đoàn P phải chịu 62.363.327đồng.

Hoàn trả ông Võ Văn A, bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí 30.817.215 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000649 ngày 27/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần Tập đoàn P phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0005794 ngày 26/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ nghiệp vụ - Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Quảng